TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2022.
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Võ Thị Điệp.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-DS ngày 11/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 259/2022/QĐST-DS ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G**;

Đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh V – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Ông Trần Minh V ủy quyền cho anh **Thái Minh T**, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp M, xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Văn K**, sinh năm 1937;

Trần Thị L, sinh năm 1947;

Lê Thanh T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt; Ông K, bà L, ông Thanh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G ủy quyền cho anh Thái Minh T trình bày: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G (Hợp tác xã) phục vụ bơm tưới cho bà

con nông dân để canh tác lúa nằm trong diện ô bao thuộc khu vực xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, trong đó có diện tích đất 13.500m^2 của hộ ông Lê Văn K.

Hộ ông Lê Văn K và Hợp tác xã có thỏa thuận bơm tưới cho phần đất của hộ ông K diện tích 13.500m^2, mỗi vụ hộ ông K phải trả là 337,5kg lúa; hai bên thống nhất một năm có 03 vụ lúa, giá lúa là 5.000đồng/kg.

Từ vụ Đông Xuân năm 2015 đến vụ Thu Đông năm 2017, hộ ông K nợ Hợp tác xã 3.037,5kg lúa x 5.000đồng/kg = 15.187.500 đồng, hộ ông K có trả được 10.490.000 đồng, còn lại 4.697.500 đồng (tương đương 939,5kg lúa) đến nay không trả tiền bơm nước cho Hợp tác xã. Hợp tác xã đã nhiều lần yêu cầu hộ ông K trả số tiền trên nhưng hộ ông K không trả. Nay Hợp tác xã yêu cầu hộ ông Lê Văn K, bà Trần Thị L, anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả tiền thuỷ lợi phí còn nợ lại là 4.697.500đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, Hợp tác xã không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với các bị đơn là ông Lê Văn K, bà Lê Thị L và anh Lê Thanh T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp L nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (bản photo);

+ Quyết định của UBND huyện Cao Lãnh số 847/QĐ-UB ngày 07/6/2002 ngày 07/6/2002 (bản photo);

+ Đơn xin xác nhận ngày 27/7/2022 (bản chính);

- Tài liệu, chứng cứ do phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G về việc yêu cầu ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thủy lợi phí còn nợ cho Hợp tác xã là 4.697.500đồng, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"* theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; nơi thực hiện hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) tại xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Tại phiên tòa, đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng, xét thấy: Các bị đơn là ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T đã được triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G về việc yêu cầu ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thủy lợi phí còn nợ cho Hợp tác xã là 4.697.500đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Năm 2002, được sự thống nhất của bà con nông dân trong ô đê bao và Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh thành lập Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G để phục vụ tưới tiêu cho bà con. Trong đó, có diện tích đất 13.500m^2 của hộ ông Lê Văn K canh tác là phù hợp theo xác nhận ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã G. Từ vụ Đông Xuân năm 2015 đến vụ Thu Đông năm 2017, hộ ông K nợ Hợp tác xã là 3.037,5kg lúa x 5.000đồng/kg = 15.187.500đồng và hộ ông K đã trả được cho Hợp tác xã số tiền 10.490.000đồng, còn nợ lại 4.697.500đồng (tương đương 939,5kg lúa). Do đó, việc Hợp tác xã yêu cầu ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thuỷ L phí còn nợ là 4.697.500đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì Hợp tác xã không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G về việc yêu cầu ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thủy lợi phí còn nợ là 4.697.500đồng, nên ông K, bà L và anh T phải liên đới chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0009460 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 103, 429, 513, 515, 519 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.

- Buộc ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G số tiền 4.697.500đồng (Bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Lê Văn K, bà Trần Thị L và anh Lê Thanh T phải liên đới chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0009460 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

đã ký

Trịnh Hữu Chinh